

Số: /2023/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022, số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng tự thực hiện áp dụng quy định này thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây

dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025 do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn

1. Quy định về việc lập hồ sơ xây dựng công trình

a) Việc lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Căn cứ kế hoạch triển khai hỗ trợ đầu tư của địa phương, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, Ban quản lý xã thông báo đến cộng đồng dân cư tại thôn về dự án, công trình để tham gia vào quá trình lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

Ban quản lý xã lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho thôn thực hiện công trình, Ban phát triển thôn lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt.

Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Nội dung Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, diện tích đất sử dụng, chủ đầu tư, quy mô, thời gian thực hiện; Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư bao gồm: Kinh phí Nhà nước hỗ trợ (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương các cấp), đóng góp của người dân và vốn huy động hợp pháp khác; Bản vẽ thi công theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện; Bảng kê các chi phí đầu tư xây dựng; Dự kiến năng lực tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng dân cư.

2. Quy định về việc thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình

a) Hồ sơ trình thẩm định gồm: Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này; biên bản cuộc họp của cộng đồng dân cư; các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

b) Tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình và phê duyệt đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

c) Nội dung, thời gian và báo cáo kết quả thẩm định: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

3. Quy định về việc quản lý, thanh toán vốn

a) Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước; đúng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

b) Hồ sơ, thủ tục tạm ứng, thanh toán: Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

c) Việc thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

4. Quy định về việc quyết toán vốn

a) Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ: Thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thời hạn lập, gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương các cấp; trình tự xét duyệt, thẩm định và ra thông báo kết quả thẩm định quyết toán vốn đầu tư công thuộc cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Các dự án giao cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh khi hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại điểm này.

Đối với quyết toán phần vốn nhà nước hỗ trợ hiện vật bằng vật liệu xây dựng: Giá trị quyết toán của từng loại công việc bằng khối lượng vật liệu xây dựng đã được nghiệm thu theo quy định nhân (x) với đơn giá, định mức theo quy định.

Đối với phần hỗ trợ hiện vật khác: Thực hiện quyết toán theo giá trị hiện vật thực tế trong giá trị công trình được nghiệm thu theo quy định.

Đối với thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày dự án, công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử

dụng, Ban quản lý xã lập và nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán; Chậm nhất sau 02 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán phải thực hiện xong công tác thẩm tra quyết toán; Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 7 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- CV NCTH: NN1, VX4, VX5;
- Lưu: VT, TH6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang